

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn chị: Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn anh: Nguyễn Minh H – Sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và anh bị đơn anh Nguyễn Minh H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về hôn nhân:* Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Minh H.
 - *Về con chung:* chị L và anh H đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 con chung. Cháu tên là: Nguyễn Minh

K; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/2/2011. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng anh chị tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo ý kiến của cháu Nguyễn Minh K cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu (chị Nguyễn Thị L). Chị L và anh H đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Nguyễn Minh K cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng là từ ngày 01/9/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này, anh H có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về con riêng:* chị L và anh H đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống anh H không có con riêng, chị L có 01 con riêng. Cháu tên là: Nguyễn Minh Q. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 24/11/2017. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng chị L tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị L và anh H đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Nguyễn Minh Q cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con riêng hàng tháng.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị L và anh H thống nhất chưa yêu C Tòa án giải quyết.

- *Về án phí :* Chị L và anh H thống nhất mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm. Anh H còn phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch (là người cấp dưỡng nuôi con). Tổng cộng anh H phải chịu là 225.000 đồng. Chị L được nhận lại 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001966 ngày 27 tháng 7 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B;
- Lưu H/s.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn